TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG THÁP

Bản án số: 96/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2026
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân;

2. Ông Nguyễn Thanh Trung.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tài L, sinh năm 2001; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 18/11/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài L trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Tấn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2020 ngày 18/02/2020 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay, không thể hàn gắn được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/03/2021, hiện đang sống cùng với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa nên bà L có đơn yêu cầu xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

** Bị đơn ông Nguyễn Tấn P vắng mặt tại phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Tấn P vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bà L và ông P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, bà L xin ly hôn với ông P nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tài L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Tài L và ông Nguyễn Tấn P.

[3] Về yêu cầu của các bên đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tài L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tài L và ông Nguyễn Tấn P chung sống vợ chồng từ năm 2020, có đăng ký kết hôn được UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền

Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2020 ngày 18/02/2020 là hôn nhân hợp pháp. Bà L trình bày, sau khi cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì đến năm 2024 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay nên bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Ông Nguyễn Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần để dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của phía bà L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông P đã phát sinh trong thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông P.

3.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/03/2021, hiện đang sống cùng với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Nguyễn Tấn P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy sau khi vợ chồng ly thân, con chung sinh sống cùng với bà L được bà L chăm sóc tốt về mọi mặt, cuộc sống sinh hoạt, học tập đã ổn định, phía ông P cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà L. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về con chung, giao con chung cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, ông P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số: 85/2025/QH15 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng

dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tài L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tài L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/03/2021 cho bà Nguyễn Thị Tài L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Tấn P được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông P thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tài L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Tấn P chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tài L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010130 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như đã nộp xong án phí.

- Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tài L và ông Nguyễn Tấn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Thạnh Phú – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa